

VĂN HÓA & NGHỆ THUẬT

ALL PHOTOS IN THE PUBLIC DOMAIN



▲ Một chiếc bình đầu voi (trong bộ hai chiếc), người thợ Jean-Claude Duplessis của hãng Sèvres, khoảng năm 1758. Bảo tàng Nghệ thuật Metropolitan, Thành phố New York.

Vàng trắng

Cạnh tranh giữa những hãng đồ sứ vào thế kỷ 18

Michelle Plastrik

Lịch sử đồ sứ có niên đại khoảng 2,000 năm, bắt nguồn từ Trung Quốc. Đồ sứ là một loại gốm trắng mờ được tráng men, thường được làm từ chất liệu cao lanh (kaolin), một loại đất sét, và đất trắng (petuntse), một loại khoáng chất, được nung ở nhiệt độ cao. Di sản đồ sứ ở phương Tây thì có niên đại muộn hơn nhiều. Đồ sứ Trung Hoa được nhập cảng vào châu Âu lần đầu tiên vào thế kỷ 14.

Người Âu Châu trở nên say mê chất liệu dễ vỡ nhưng bền chắc này – mà họ gọi là “vàng trắng” – và hoàng gia Âu Châu sưu tầm rất nhiều bộ sưu tập đồ sứ đồ sộ. Không hài lòng với việc mua hàng xuất cảng của nước khác, những người trị vì Âu Châu muốn chế tạo bộ dụng cụ ăn uống và các vật trang trí bằng sứ của riêng mình. Mãi cho đến đầu thế kỷ 18, người Âu Châu mới có thể giải mã được

bí quyết sản xuất đồ sứ đích thực – còn được biết đến là đồ sứ cứng (hard-paste).

Hai hãng đồ sứ lớn nhất Âu Châu vào thế kỷ 18 là Meissen và Sèvres (ban đầu được biết đến là hãng Vincennes). Chủ nghĩa dân tộc đã gia tăng sự cạnh tranh giữa hai công ty này. Meissen được sản xuất ở Saxony (một phần của Đức quốc ngày nay) và Sèvres là sản phẩm của Pháp, được sản xuất bên ngoài Paris.

Căn bệnh mê đồ sứ của Vua Augustus

Nói một cách nhẹ nhàng thì, người trị vì xứ Saxony, Augustus II mê mẩn đồ sứ. Vị Tuyển hầu (elector) này nổi tiếng nhất với cái tên Augustus the Strong, đã tự chẩn đoán mình mắc “Porzellankrankheit” – hoặc căn bệnh đồ sứ. Tính đến thời điểm ông qua đời, ông sở hữu hơn 35,000 món đồ sứ.

Vua Augustus cầm tù nhà giả kim Johann Friedrich Böttger ở Dresden – kinh đô của xứ Saxony – và ép buộc ông



▲ Bức chân dung của Vua Augustus II the Strong, họa sĩ Louis de Silvestre, khoảng năm 1720. Tranh sơn dầu trên vải canvas. Bảo tàng quốc gia, thành phố Stockholm, Thụy Điển.

thử nghiệm các công thức chế tạo đồ sứ. Ông Böttger và các cộng sự của mình đã thành công trong việc lần đầu tiên tái tạo đồ sứ đích thực ở phương Tây. Sau đó, xưởng Meissen được thành lập vào năm 1710 dưới sự bảo trợ hoàng gia từ Vua Augustus.

Hãng Meissen thống lĩnh [thị trường] châu Âu trong 40 năm tiếp theo cho đến khi danh tiếng của hãng này bị lu mờ trước xưởng chế tạo của hoàng gia Pháp dưới thời Vua Louis XV.

Kiệt tác nghệ thuật của xưởng Meissen

Một kiệt tác thời đầu của xưởng Meissen là đồng hồ lò sưởi (quả lắc) có hình nàng Arachne và Nữ thần Athena – hiện thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Viện Bảo tàng Rijksmuseum. Vật phẩm này có lai lịch và phong cách trang trí phức tạp. Các học giả tin rằng đồng hồ có thể đã được chế tạo cho Vua Augustus.

Xem tiếp **trang 4**

Dấu ấn người phụ nữ

Da Yan

Bên khung cửa sổ đẹp như tranh, cô gái trẻ ngồi trong xưởng vẽ, cô đang đổ lại một bông hoa tulip lên giấy. Đây là tác phẩm của nghệ sĩ Pháp Louise Adéone Drölling, người đã nói gót cha và anh trai theo đuổi con đường nghệ thuật.

Khi nghĩ về các nữ nghệ sĩ đầu thời kỳ cận đại tại châu Âu, chúng ta thường được bảo rằng họ bị các đồng nghiệp nam kim hãm và không có chỗ đứng trong cộng đồng nghệ thuật. Nhưng trên thực tế, từ thời kỳ Phục Hưng trở đi, phụ nữ đã có thể thể hiện khả năng sáng tạo của mình trong nhiều lĩnh vực nghệ thuật, và chính các tác phẩm đa dạng của họ là điều mà buổi triển lãm "Making Her Mark" (Dấu ấn người phụ nữ) muốn tôn vinh.

Được đưa từ Viện Bảo tàng Nghệ thuật Baltimore đến Phòng trưng bày Nghệ thuật Ontario ở Toronto, triển lãm năm nay bao quát giai đoạn từ khoảng năm 1400 đến 1800 tại châu Âu và quy tụ các tác phẩm đa dạng trên nhiều chất liệu: gốm sứ, đồ nội thất, dệt may, in ấn, và tất nhiên, không thể thiếu các bức tranh trắng đen (drawing) và tranh sơn màu (painting).

Hai hạng mục cuối cùng này từ lâu đã được coi là lĩnh vực thuộc về các nam nghệ sĩ chuyên nghiệp, những người thể hiện tài năng sáng tạo của mình trong các tác phẩm được đặt hàng, trong khi nữ giới thường được cho là theo đuổi hội họa và màu nước để giải trí. Nhưng có một số họa sĩ, như cô Drölling, đã nhận được một nền giáo dục nghệ thuật uyên bác, cho phép họ truyền tải nhiều cung bậc cảm xúc về [cuộc sống] của một phụ nữ trong xã hội Âu Châu.

Trong bức tranh của họa sĩ Drölling, cô gái trẻ vận trang phục thanh lịch, ngồi bên cửa sổ. Cô đang vẽ tranh, nhưng không phải tại một xưởng vẽ bừa bộn, mà là ở tầng trên căn phòng có trần cao, nơi có một cây đàn guitar, một bức tượng bán thân cổ điển, và chiếc kệ sách với những chiếc bìa đẹp mắt. Bên cạnh cô là tập hồ sơ các bản vẽ, và thể hiện vị thế của cô là một nghệ sĩ cần mẫn, nhiệt huyết.

Đối với họa sĩ Drölling, đó có thể là hình ảnh lý tưởng về thời thiếu nữ - có học thức, am hiểu nghệ thuật và nhân nhả - trái ngược với thực tế vất vả và cạnh tranh của thế giới nghệ thuật chuyên nghiệp. Tài năng của họa sĩ Drölling rõ ràng đã được công nhận: Bức tranh này đã giúp cô đạt được huy chương vàng tại Triển lãm Salon năm 1824 và ngay lập tức được đưa vào bộ sưu tập danh gia của một họa sĩ quý tộc Pháp.

Ngôi sao nghệ thuật hàng đầu

Trên thực tế, xuyên suốt giai đoạn đầu thời kỳ cận đại, một số nữ họa sĩ đã có thể hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp, đặc biệt là ở các trung tâm lớn của Ý và Hà Lan. Họa sĩ Judith Leyster (1609-1660) là một trong số đó.

Năm 19 tuổi, họa sĩ Leyster đã được ca ngợi vì có "cái nhìn nhạy bén và sắc



PUBLIC DOMAIN



2

1. "Bên trong căn phòng, cô gái trẻ đang đổ lại một bông hoa," khoảng năm 1820 - 1822, họa sĩ Louise Adéone Drölling. Sơn dầu trên vải canvas; 56,5 cm x 45 cm. Viện Bảo tàng Nghệ thuật Saint Louis.

2. Chân dung tự họa, khoảng năm 1633, họa sĩ Judith Leyster. Sơn dầu trên vải canvas; 74,8 cm x 64,5 cm. Phòng trưng bày Nghệ thuật Quốc gia, Hoa Thịnh Đốn.

3. Tác phẩm "Merry Company" (Bữa Tiệc Vui Vẻ) (còn gọi là "Merry Trio" (Bữa Vui Vẻ)), giữa 1629-1631, họa sĩ Judith Leyster. Sơn dầu trên vải canvas; 72 cm x 59,4 cm. Bộ sưu tập cá nhân.



3



Vải ren kim trang trí nội thất Point de France, cuối thế kỷ 17. Vải lanh; kích thước tổng thể 266,7cm x 58,4 cm. COURTESY OF BALTIMORE MUSEUM OF ART

sảo". Năm 1633, bà được gia nhập hội họa sĩ Haarlem. Sau này được tôn vinh là "ngôi sao dẫn đường đích thực trong nghệ thuật", bà Leyster đã thực hiện bức chân dung tự họa này như một sự khẳng định về tài năng nghệ thuật của mình.

Trong bức vẽ, bà hướng ánh nhìn vào người xem với vẻ thư thái và tự tin, cánh tay tựa vào lưng ghế với dáng vẻ kiên định. Cầm trong tay bút vẽ và một bảng màu, bà dường như bị gián đoạn trong giây lát khỏi tác phẩm đang dang dở, tham khảo từ hình tượng nghệ sĩ vĩ cầm trong tác phẩm "Merry Company" (Bữa tiệc vui vẻ) của cô - tác phẩm gần đây được đánh giá cao.

Tuy nhiên, chiếc đầm dài bằng ren và lụa lộng lẫy hoàn toàn không phù hợp với công việc tại xưởng vẽ, mà thay vào đó, nó gợi lên sự giàu có và địa vị xã hội đến từ những thành công trong nghề nghiệp của bà.

Những phụ nữ yêu ren

Loại ren tinh xảo mà họa sĩ Leyster khoác lên mình đây kiểu hãnh diện đạt một khía cạnh khác của loại hình nghệ thuật

đành cho phái nữ này. Làm ren - một thể loại nghệ thuật cầu kỳ từ sợi chỉ - được phụ nữ trong các tu viện và tổ chức từ thiện thực hành rộng rãi. Trong thời kỳ hoàng kim của mình, ren là một trong những loại vải dệt thời thượng và có giá trị nhất ở châu Âu thời cận đại.

Đến năm 1665, giới quý tộc Pháp đã chỉ nhiều tiền cho mặt hàng ren thượng hạng của Ý và Flemish (Bi) - đến nỗi Vua Louis XIV phải ban sắc lệnh cấm nhập cảng chúng - đồng thời thành lập các nhà máy sản xuất nội địa khắp nước Pháp bằng cách lôi kéo các chuyên gia ngoại quốc đến đào tạo cho phụ nữ địa phương. Công hòa Venice coi đây là hoạt động gián điệp và ra sắc lệnh rằng những người thợ làm ren bị bắt gặp làm việc tại hải ngoại sẽ bị tống giam hoặc xử tử.

Tuy nhiên, với sự nâng đỡ của hoàng gia, những người thợ ren đã tạo ra những tác phẩm vô cùng tinh xảo trên quy mô lớn. Họ phát triển phong cách riêng, kết hợp các họa tiết thu nhỏ vào các thiết kế đối xứng, được gọi là "point de France." Dải ren trang trí rộng bản này



COURTESY OF BALTIMORE MUSEUM OF ART

◀ "Bộ tách trà những người phụ nữ nổi tiếng", 1811-1812, họa sĩ Marie-Victoire Jaquotot và Xưởng sứ Sevres. Viện nghệ thuật Clark, Massachusetts.

được sản xuất vào cuối thế kỷ 17, thể hiện các họa tiết hoàng gia vốn tiêu tốn hàng giờ, thậm chí nhiều ngày, để nhiều người cùng thực hiện. Được những người nghèo sản xuất cho giới nhà giàu, việc làm ra ren được xem là đức hạnh nhưng mặc đó ren thì bị xem là phù phiếm. Những sản phẩm ren như thế này phản ánh những lực lượng kinh tế - xã hội phức tạp đang vận hành trong lịch sử Âu Châu, đồng thời biểu hiện về đẹp được ren giữa từ bàn tay khéo léo của những người phụ nữ khiêm nhường, vô danh.

'Họa sĩ đồ sứ đầu tiên cho Nhà vua'
Ở những xưởng thủ công khác, chẳng hạn như xưởng sản xuất đồ sứ, một số thợ nữ thực sự đã để lại tên tuổi của họ. Họ được tuyển dụng ở từng giai đoạn sản xuất, từ các xưởng gia đình đến cả những doanh nghiệp toàn cầu, với các công việc trải rộng từ chuẩn bị đất sét đến tạo mẫu, trang trí bề mặt, và vận hành xưởng.

Nghệ sĩ Marie-Victoire Jaquotot (1772-1855) - một họa sĩ chân dung trên sứ nổi tiếng - đã vẽ tác phẩm tinh xảo có tên "Tea Service of Famous Women" (Bộ tách trà những người phụ nữ nổi tiếng) tại xưởng Sevres từ năm 1811 đến 1812. Ban đầu [bộ đồ sứ] được thiết kế cho bà Josephine Bonaparte - Hoàng hậu của Hoàng đế Napoléon nước Pháp - bà Jaquotot đã vẽ chân dung của 16 người phụ nữ lỗi lạc trong lịch sử, bao gồm các nhà cầm quyền như Catherine Đại đế của Nga và Maria Theresa của Áo, cũng như những nhân vật văn hóa nổi biểu như Thánh Joan xứ Arc và Madame de Sévigné.

Vào năm 1816, với sự khôi phục của chế độ quân chủ Bourbon, nghệ sĩ Jaquotot được nhận danh hiệu "Họa sĩ đồ sứ đầu tiên cho Nhà vua". Bà nổi bật giữa rất nhiều những nữ nghệ sĩ



▲ Chân dung tự họa, khoảng đầu thế kỷ 18, họa sĩ Marie-Victoire Jaquotot. Sơn dầu trên vải canvas. Bộ sưu tập cá nhân. PUBLIC DOMAIN

khác, những người nhận được đơn đặt hàng, doanh số bán hàng, danh hiệu, và các hình thức công nhận khác từ chính phủ mới.

Nhà thiết kế nổi tiếng Anh Quốc
Giống như gốm sứ, việc sản xuất vải cũng cần nhiều công đoạn mà nữ giới đóng một vai trò quan trọng. Trong khi phần lớn phụ nữ sẽ tham gia vào công việc dệt vải tốn nhiều thời gian và sức lực, thì vài người trong đó đã vượt lên dẫn đầu và là nhà thiết kế nổi bật của ngành công nghiệp này. Vào giữa thế kỷ 18, bà Anna Maria Garthwaite (1688-1763) đã trở thành một trong những nhà thiết kế lụa nổi tiếng và thành công nhất nước Anh. Bà cho ra đời hơn một ngàn mẫu hoa văn được chuyển thể vào vải dệt.

Phong cách của bà đặc trưng bởi những hình dây leo uốn lượn trang nhã với họa tiết các loài hoa từ khắp thế giới, bao gồm hoa mọc lan, cỏ, nha đam, hoa lan, và dâm bụt. Giống như cảm hứng được truyền từ các mẫu vật thiên nhiên, các loại vải dệt này cũng băng qua đại dương, được chuyển từ xưởng ở Đông London đến các cảng gần đó như Dublin cũng như những nơi xa xôi như New York và Philadelphia.

Chiếc đầm dài này, hiện được bảo quản tại bảo tàng Colonial Williamsburg, được may vào khoảng thời gian Cách mạng Mỹ, với chất liệu bằng lụa lampas do bà Garthwaite thiết kế từ 1726 đến 1728. Loại vải này được truyền lại trong một gia đình tại vùng thuộc địa trong khoảng 50 năm và được tái sử dụng cho ba thế hệ trước khi được may thành chiếc áo cưới này. Với các bản thảo của các nữ tu dòng kín, bản khắc của các nữ học giả, và tranh của các nữ họa sĩ Sofonisba Anguissola, Angelica Kauffman, và Elisabeth Vigée-Lebrun, triển lãm này áp dụng một định nghĩa rộng về



COURTESY OF BALTIMORE MUSEUM OF ART

◀ Vải dệt do nhà thiết kế Anna Maria Garthwaite chế tác từ năm 1726-1785, cho chiếc váy được may từ năm 1775-1785. Lụa "lampas" được dệt bằng vải lụa và lanh. Bảo tàng Colonial Williamsburg.

"nữ nghệ sĩ" và trưng bày vô vàn chất liệu đa dạng mà một bài đánh giá ngắn khó có thể cập nhật chi tiết. Triển lãm "Making Her Mark" công hiến một bức tranh toàn diện và hấp dẫn về vai trò của những người phụ nữ sáng tạo trong xã hội Âu Châu thời kỳ cận đại, và vì điều này, triển lãm xứng đáng để hãy truy cập trang web tại ago.ca.

Triển lãm "Making Her Mark: A History" Lê Đào biên dịch

ProCare
Pharmacy & Medical Supplies

- Cung cấp đầy đủ các loại thuốc tây, vắc xin ngừa cúm cúm, COVID-19, và du lịch. Không cần lấy hẹn trước.
- Nhà thuốc ProCare được công nhận là nhà thuốc chuyên cung cấp các loại thuốc đặc trị bởi Cơ Quan Kiểm Định Sử Dụng thuốc của Hoa Kỳ (URAC).
- Mục tiêu chính của toàn thể nhân viên nhà thuốc chúng tôi là cung cấp đầy đủ mọi chỉ dẫn về sức khỏe và đồng thời phục vụ tối đa để đáp ứng nhu cầu của từng bệnh nhân.
- Chương trình "Đơn giản thuốc" nhằm tăng sự tiện lợi cho quý vị và giúp đạt hiệu quả trong cách dùng thuốc qua việc tư vấn trực tiếp giữa Dược Sĩ với từng bệnh nhân.

Châm ngôn của chúng tôi:
Chất Lượng - Thành Tâm - Nhanh Chóng

Free Delivery

9191 Westminster Ave.
Garden Grove, CA 92844
Website: www.ProCareDrugStore.com
Email: info@ProCareDrugStore.com

Phone: (714) 899-1111
Fax: (714) 899-2808

Mở Cửa 7 Ngày Mỗi Tuần

Thứ Hai - Thứ Sáu 9:30 AM - 6:30 PM
Thứ Bảy - Chủ Nhật 9:30 AM - 1:30 PM

▶ Quang cảnh buổi triển lãm "Making her Mark" tại Viện Bảo tàng Nghệ thuật Baltimore.



MITRO HOOD/BALTIMORE MUSEUM OF ART



▲ Bình hoa có chân đế và hoa trang trí, phần thân bình sản xuất trước năm 1733, phần chân đế khoảng năm 1745-1748. Thân bình do hãng Meissen Porcelain Manufactory chế tác; hoa tiết hoa do hãng Vincennes Porcelain Manufactory trang trí. Sứ cùng tráng men nhiều màu; sứ nếm; đồng mạ vàng. Trung tâm Getty, Los Angeles.

◀ Đồng hồ lò sưởi (quả lắc) có hình nàng Arachne và Nữ thần Athena, được cho là tác phẩm của người thợ Johann Gottlieb Kirchner từ Xưởng Đồ sứ Meissen, năm 1727. Sứ và kim loại mạ vàng; kích thước 17.3/10 inch x 8.1/5 inch x 5.3/10 inch (~44 cm x 21 cm x 13 cm). Bảo tàng Rijksmuseum, Amsterdam.

Vàng trắng: Cạnh tranh giữa những hãng đồ sứ và thế kỷ 18

Tiếp theo từ trang 1

Đồng hồ này từng thuộc sở hữu của những người chủ danh tiếng với thế kỷ 19 trước khi được đưa vào bộ sưu tập của đối vợ chồng Franz và Margarethe Oppenheimer ở Berlin.

Ông bà Oppenheims đã chạy khỏi thành phố [Berlin] để đến Vienna sau khi Hitler lên nắm quyền; sau đó họ trốn thoát khỏi nước Áo. Trước khi chạy thoát khỏi cuộc bức hại ở Vienna, ông bà Oppenheims đã bán bộ sưu tập đồ Meissen quý giá của mình cho một nhà sưu tập người Hà Lan, người đã qua đời không lâu sau đó. Đức Quốc xã đã mua lại bộ sưu tập đồ sứ này. Sau Đệ nhị Thế chiến, quân Đồng minh tìm lại được bộ sưu tập từ các mỏ muối, và quyền sở hữu được trao lại cho Chính phủ Hà Lan; họ đã gửi những vật phẩm này đến Viện Bảo tàng Rijksmuseum.

Vào năm 2019, Hà Lan đã hoàn trả lại bộ sưu tập cho những người thừa kế của gia tộc Oppenheims. Hai năm sau, công ty Sotheby's thay mặt họ đấu giá bộ sưu tập, và viện Viện Bảo tàng Rijksmuseum đã mua lại hơn phân nửa các vật phẩm, gồm cả chiếc đồng hồ lò sưởi này, vốn là điểm nổi bật của cuộc giao dịch đó. Mặc dù được ước tính khoảng 200,000 đến 400,000 USD, nhưng nó đã được bán với giá xấp xỉ 1.6 triệu USD.

Catalogue của Sotheby's miêu tả chiếc đồng hồ như sau: "Hình dáng kiến trúc sắc sảo của thân đồng hồ được tôn lên bởi một kho tàng kỹ thuật trang trí xuất sắc, gồm các ô hình nhân vật phong cách Trung Hoa với màu sắc rực rỡ, điểm xuyết hoa văn lá chóp màu nâu tía hoặc đỏ thẫm, hoặc họa tiết viên lam dưới men, cùng họa tiết nhân vật và xoắn ốc mạ vàng theo phong cách Trung Hoa trên lớp men bóng Böttger." Lớp men bóng có màu hồng tím này là phát minh của nhà giả kim Böttger, thường được sử dụng trong đồ sứ của xưởng Meissen với các chủ đề theo phong cách Trung Hoa - vốn là các họa tiết Đông Á được thay đổi để phù hợp với phong vị Âu Châu.

Các nhân vật ở trên đỉnh mái vòm tròn của vỏ đồng hồ gợi nhắc đến câu chuyện thần thoại về nàng thợ dệt trẻ tuổi Arachne và Nữ thần Hy Lạp Athena. Trong câu chuyện này, nàng Arachne khoa trương rằng kỹ năng dệt vải của nàng giỏi hơn cả Nữ thần Athena. Trong một cuộc tranh tài sau

đó, nàng Arachne đánh bại Nữ thần. Nữ thần Athena nổi trận lôi đình, nguyên rủa nàng và biến nàng thành một con nhện.

Nguồn cảm hứng để tạo hình [cho các nhân vật này] có thể được lấy từ các tác phẩm điêu khắc cổ xưa và hiện đại do Vua Augustus sưu tầm, như hình chú của nhà sử học nghệ thuật Maureen Cassidy-Geiger trong bài viết "Provenance and Prestige: The Margarethe and Franz Oppenheimer Collection" (Lai lịch và Danh tiếng: Bộ sưu tập của Margarethe và Franz Oppenheimer) của Sotheby's. Nghệ sĩ đầu tiên chế tác vỏ đồng hồ là ông George Fritzsche. Sau đó, điều khắc gia Johann Gottlieb Kirchner đến đảm nhiệm việc sản xuất này và tiếp tục thực hiện một số đơn hàng nổi tiếng nhất của xưởng Meissen.

Những đóa hoa sứ của Vincennes Pháp quốc ghen tị với sự thành công của Saxony với đồ sứ tại xưởng Meissen. Vào năm 1740, Xưởng Vincennes được thành lập ở một lâu đài hoàng gia phía đông Paris. Xưởng này được một người từng là thợ mộc điều hành. Ông đã hoàn thiện việc chế tạo đồ sứ mềm có màu sáng hơn, trắng hơn. Mục đích của hãng này là sản xuất đồ sứ để cạnh tranh với đồ sứ của Meissen. Ban đầu, họ thường sao chép những tác phẩm



▲ Tác phẩm "Louis XV in Coronation Robes" (Vua Louis XV trong lễ phục đăng quang), họa sĩ Hyacinthe Rigaud, năm 1730. Tranh sơn dầu trên vải canvas. Cung Điện Versailles, Pháp quốc.

nổi tiếng của Meissen. Năm năm sau ngày thành lập, vua Louis XV ban cho Vincennes giấy chứng nhận hoàng gia.

Một bộ các vật phẩm tại Trung tâm Getty tóm lược giai đoạn cạnh tranh đồ sứ này. Một cặp bình cắm hoa có chân đế, có phần thân bình làm từ đồ sứ Meissen trước năm 1733. Thân bình được trang trí hoa và còn trang: được đồ bóng để mang đến độ chân thật cao. Trung tâm Getty giải thích rằng, "Họa sĩ đã cẩn thận đặt một vài con bọ nhỏ hơn để che đi khuyết điểm ở mõm đồ sứ này."

Chủ nghĩa dân tộc đã làm tăng sự cạnh tranh giữa hai hãng đồ sứ lớn nhất Âu Châu vào thế kỷ 18: Meissen và Sèvres.

Vincennes được một người thợ gần vào thân và cảm thành một bộ hoa xinh xắn trong chiếc bình Meissen.

Hãng đồ sứ Vincennes trở nên đặc biệt nổi tiếng với những đóa hoa tự nhiên, rất được giới quý tộc và những người sành điệu ở Paris ưa chuộng vào những năm 1740. Một số nhà bảo trợ có các bộ sưu tập gồm hàng ngàn đóa hoa được tạo mẫu theo nhiều loài hoa khác nhau. Chúng được dùng để trang trí nội thất và thậm chí còn được xịt nước hoa để giống với một bộ hoa thật hơn.

Vào năm 1756, hãng này chuyển đến khu đất được xây dựng đặc biệt ở Sèvres, một khu vực phía tây nam Paris. Công ty trở nên nổi tiếng với tên địa điểm mới của mình. Ba năm sau, Vua Louis XV trở thành người sở hữu duy nhất của hãng, và hầu hết gốm sứ của hãng đều được sản xuất cho hoàng gia Pháp và các triều thần, tương tự như Meissen dưới thời trị vì của vua Augustus the Strong.

'Sắc hồng Rose Pompadour' Một bình kỷ lạ có đầu voi tại Viện Bảo tàng Nghệ thuật Metropolitan từ khoảng năm 1758 này là ví dụ tuyệt đẹp về sắc hồng Pompadour được ưa chuộng. Đến thời kỳ này, nhờ vào kỹ thuật khéo léo và các phong cách trang trí xa hoa, Sèvres đã trở thành hãng chế tạo đồ sứ mềm hàng đầu Âu Châu.

Sèvres chỉ bắt đầu sản xuất đồ sứ cứng từ năm 1769, hai năm sau khi cao lanh được phát hiện ở thành phố Limoges, Pháp quốc.

Không lâu sau, Sèvres không còn dựa vào gốm sứ Meissen để lấy cảm hứng nữa. Một số học giả cho rằng những chiếc bình trang trí của Sèvres, có màu sắc phong phú và được mạ vàng lộng lẫy, là những thành tựu lớn nhất của hãng. Các mẫu vật có bố cục đối xứng của Viện Bảo tàng Nghệ thuật Metropolitan này được ông Jean-Claude Duplessis đúc khuôn. Ông là một thợ kim hoàn gốc Ý đã gia nhập hãng Sèvres vào năm 1748 và sáng tạo các kiểu dáng điêu khắc mới.

Cuối những năm 1750 chứng kiến sự ra đời của một số mẫu bình án tượng nhất của hãng Sèvres. Những chiếc bình này rất khó sản xuất và rất đắt. Những chiếc bình đầu voi, có vòi là giả cảm nén, được các thành viên hoàng gia và giới quý tộc đặc biệt ưa chuộng. Quý bà Pompadour sở hữu ít nhất ba cặp bình này. "Voi là một chủ đề được nhiều người châu Âu thời cận đại say mê," giám tuyển Wolf Burchard của Viện Bảo tàng Nghệ thuật Metropolitan viết trong catalogue "Inspiring Walt Disney: The Animation of French Decorative Arts" (Truyền cảm hứng cho Walt Disney: Nghệ thuật Trang trí Pháp trong phim hoạt hình).

Ban đầu, những chiếc bình của Viện Bảo tàng Nghệ thuật Metropolitan được ngài Louis-Joseph de Bourbon, hoàng tử xứ Condé, mua lại trong một cuộc giao dịch độc quyền ở các căn nhà riêng của vua Louis XV tại Versailles. Vì hoàng tử đã mua nhiều chiếc bình. Tổng cộng trị giá 4.320 livre, con số vượt quá mức lương hàng năm của một người lao động chuyên nghiệp. Các nhà sử học tin rằng hiện nay chỉ còn 22 chiếc bình đầu voi còn sót lại.

Sau cuộc Cách mạng Pháp, quyền sở hữu hãng Sèvres được chuyển giao cho chính phủ Pháp. Hãng này hiện nay vẫn còn hoạt động và thường hợp tác với các nghệ sĩ đương đại. Hãng Meissen cũng tiếp tục sản xuất, và hiện thuộc sở hữu của bang Saxony. Mặc dù các quốc gia không còn ưu tiên việc vượt qua nhau trong lĩnh vực sản xuất đồ sứ, nhưng "các cuộc chiến đồ sứ" vào thế kỷ 18 đã dẫn đến sự đổi của một số vật dụng trang trí đẹp nhất Âu Châu.

Michelle Plastrik là cố vấn nghệ thuật sống ở thành phố New York. Cô viết về nhiều chủ đề, bao gồm lịch sử nghệ thuật, thị trường nghệ thuật, bảo tàng, hội chợ nghệ thuật và các cuộc triển lãm đặc biệt.

Giai Kỳ biên dịch



▲ Bức chân dung hiếm hoi về người Tây phương theo phong cách in khắc Nhật Bản truyền thống. Chính giữa ảnh là Phó đế đốc Perry. Bộ phận In và Ảnh của Thu Việt Quốc hội.

Hoa Kỳ đã kết thúc thời kỳ bế quan tỏa cảng xứ Phù Tang như thế nào?

Mỹ quốc hậu cách mạng đã thiết lập quan hệ thương mại với châu Á, nhưng thuyết phục Nhật Bản - quốc gia chống Cơ Đốc Giáo và bài Tây phương - là nhiệm vụ đầy khó khăn

Dustin Bass

Vào tháng 11/1782, sau khi Hiệp ước hòa bình sơ bộ với Anh Quốc được ký kết, các thương gia người Mỹ - do nhà tài chính của

người mà ông sẽ giao dịch hoặc có liên hệ," các thương gia dân đô Thuyền trưởng Green. "Ông có thể sẽ là người đầu tiên treo Quốc kỳ Mỹ ở những vùng đất xa xôi đó, và việc lưu tâm đến danh dự cá nhân của ông sẽ thôi thúc ông khiến lái cơ đó trở nên đáng kính bằng sự chính trực và lòng nhân ái trong mọi hành động và giao dịch của mình. Đồng thời, ông lưu tâm một cách thích hợp để bản thân không bị lừa dối."

Vào ngày 22/02/1784, con tàu đã vượt qua hành trình dài 18,000 dặm đường từ New York, đi vòng quanh mũi cực nam của châu Phi và đến Canton (Quảng Châu), Trung Quốc ngày 28/08. Buổi ra mắt giới thiệu và

các cuộc đàm phán thương mại sau đó do thương gia Boston Samuel Shaw dẫn đầu đều diễn ra thành công. Con tàu quay trở về New York với trà, đồ sứ cao cấp, vải lụa, và thuốc súng. Như một phần thưởng cho thành tích xuất sắc, ông Shaw được bổ nhiệm làm đại sứ chính trực và lòng nhân ái trong mọi hành động và giao dịch của mình. Đồng thời, ông lưu tâm một cách thích hợp để bản thân không bị lừa dối."

Bảy giờ sau khi thiết lập thương mại với Trung Quốc, việc Mỹ nhằm tới việc giao thương với các quốc gia khác ở Thái Bình Dương cũng là lẽ đương nhiên. Tuy vậy, việc giao thương với Nhật Bản - một quốc gia Á Châu nhiều truyền thống khác - lại là điều khá khó thi.

Nhật Bản hạn chế giao thương

Gần 200 năm trước khi con tàu Hoàng dân Trung Hoa căng buồm ra khơi, thời kỳ Chiến Quốc của Nhật Bản đã đi đến hồi kết, mở đường cho sự hợp nhất đất nước sau này dưới quyền cai trị của Mạc phủ. Oda Nobunaga (1534-1582), Toyotomi Hideyoshi (1537-1598), và Tokugawa Ieyasu (1543-1616) được biết đến là "Tam hùng thống nhất". Tuy nhiên, những phương pháp nhất thống quốc gia của họ lại tàn bạo với cả người Nhật lẫn người ngoại quốc.

Một phương diện quan trọng của sự hợp nhất này là chính sách "bế quan tỏa cảng", bao gồm những sắc lệnh bài trừ Cơ Đốc Giáo và Tây phương.

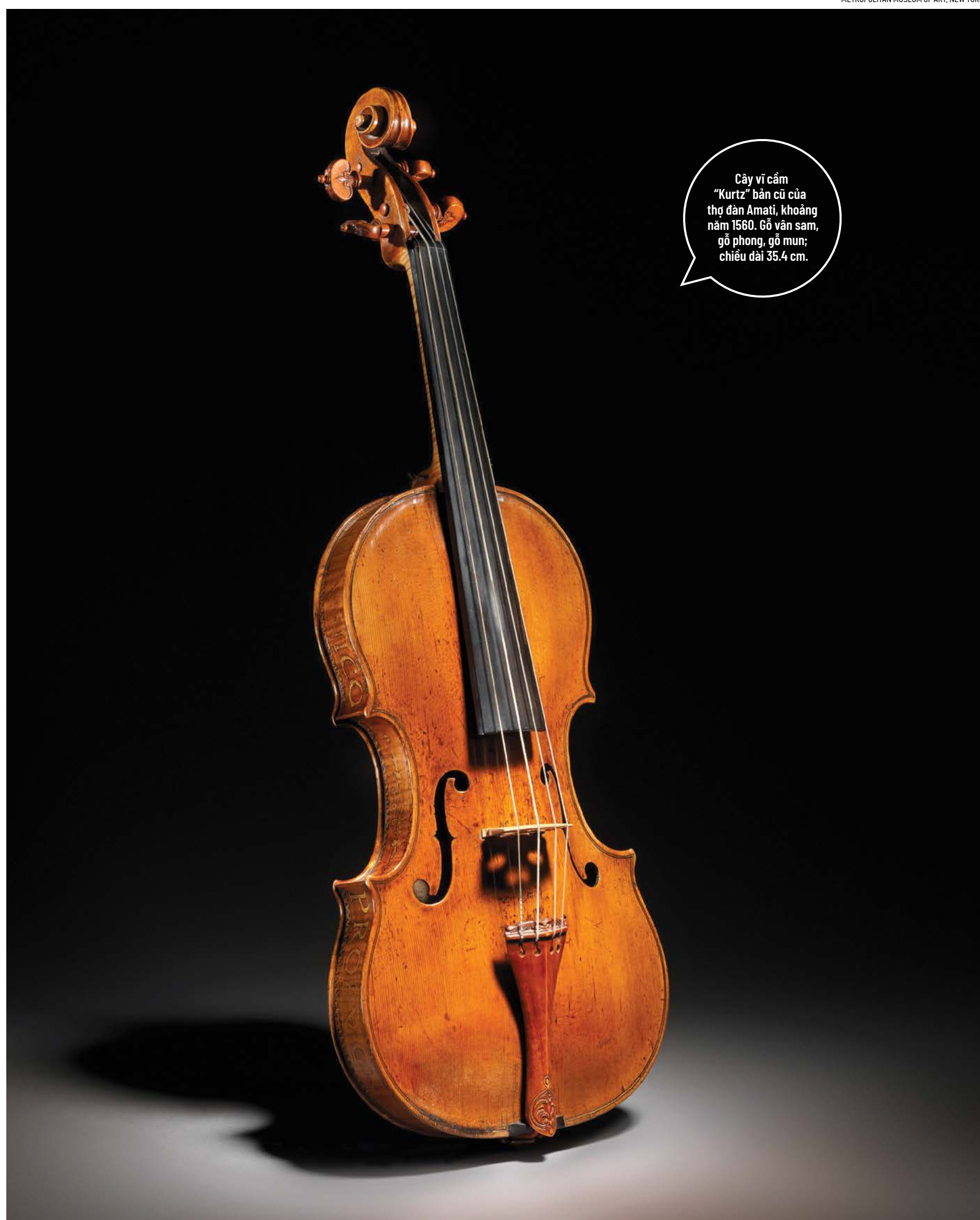
Xem tiếp trang 8



◀ (Trái) Bát đầu từ năm 1782, ông Samuel Shaw đã trở thành gương mặt đại diện cho mối quan hệ quốc tế giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc.

(Phải) Bức chân dung ông Toyotomi Hideyoshi, nhà cai trị đã thiết lập chính sách bế quan tỏa cảng với phương Tây vào cuối những năm 1500 và đầu những năm 1600. Tác phẩm được thực hiện vào năm 1598.

Quý vị muốn tặng báo cho người thân, bạn bè? Epoch Times sẽ giúp chuyển tận nhà mỗi tuần. TEL: (714) 356-8899 | WWW.EPOCHTIMESVIET.COM EPOCH TIMES TIẾNG VIỆT



Cây vĩ cầm "Kurtz" bản cũ của thợ đàn Amati, khoảng năm 1560. Gỗ vân sam, gỗ phong, gỗ mun; chiều dài 35.4 cm.

Kỳ diệu và bí ẩn: Những cây vĩ cầm của thành phố Cremona

Bí quyết làm ra đàn vĩ cầm truyền thống của những người thợ ở thành phố Cremona đang dần được hé lộ

Andrew Benson Brown

Cách đây vài năm, tôi cùng một người bạn thường thức buổi biểu diễn concerto cho vĩ cầm của nhà soạn nhạc Brahms. Đọc trước phần mở đầu chương trình, tôi đã nói với bạn rằng nghệ sĩ vĩ cầm chính đang diễn tấu bằng cây đàn "del Gesù". Bạn tôi, hoàn toàn không biết đó là gì, vẫn tiếp tục ăn chiếc bánh mì kẹp mà không mấy may quan tâm, cho đến khi tôi giải thích rằng cây đàn đó trị giá hàng triệu dollar.

Gán giá trị bằng tiền cho điều gì đó thường cho thấy rằng thứ ấy xứng đáng được tôn trọng và vị thế của nó đã được xã hội nhìn nhận. Tuy nhiên, cách đánh giá

này lại không làm sáng tỏ được nguyên nhân sâu xa, và thậm chí có thể là chỉ dấu cho một trào lưu nhất thời. Làm thế nào mà một bộ dây được căng trên một khối gỗ nhỏ bé lại có tầm quan trọng đến như vậy?

Vĩ cầm – loại nhạc cụ cầm tay đắt đỏ và danh giá bậc nhất – đã thống trị nền âm nhạc trong nhiều thế kỷ. Nhạc cụ này có một lịch sử lâu dài, và khởi nguồn của nó vẫn bị che mờ dưới lớp màn bí ẩn.

Những cây vĩ cầm đầu tiên

Trước thời đàn nhạc giao hưởng thịnh hành, các nhạc công đã tập hợp thành các nhóm nhỏ hơn gồm các nghệ sĩ chơi đàn dây, tạo ra thứ âm nhạc được gọi là âm nhạc "thính phòng". Trong thời kỳ này, từ thế kỷ 17 đến giữa thế kỷ 18, người Ý là những nhà tiên phong, dẫn đầu trong việc đổi mới và thống trị thế loại này.

Sự phát triển của dòng nhạc thính phòng tạo ra nhu cầu về các loại nhạc cụ dây, đặc biệt là vĩ cầm. Cremona đã phát triển ngành nghề chế tạo violin để phục vụ yêu cầu này. Là một thành phố ở miền bắc nước Ý gần Milan, Cremona không

Những bí mật nghệ nghiệp của các gia tộc Amati, Guarneri, và Stradivari đã thất lạc theo thời gian và sẽ không bao giờ được khôi phục hoàn toàn.

có tiếng tăm như các trung tâm đô thị như Florence và Rome. Nhưng đây là nơi đã sản sinh ra những thợ đàn làm đàn dây (luthier) vĩ đại nhất trong lịch sử.

Một thợ đàn làm đàn dây cần có tay nghề mộc điêu luyện. Gỗ thượng hạng – gỗ thích cho mặt sau, gỗ vân sam hoặc gỗ thông cho mặt bên và mặt trước, gỗ mun cho bàn phím – phải được cưa, tạo hình, và bảo quản đến mức hoàn hảo. Cùng thời điểm các nhà soạn nhạc như Antonio Vivaldi và Arcangelo Corelli phát triển các hình thức âm nhạc như sonata và concerto, các thợ đàn ở Cremona đã thiết kế những cây vĩ cầm đầu tiên để có khả năng cộng hưởng với giọng hát nữ.

Giống như nhiều ngành nghề khác, làm nhạc cụ là một công việc kinh doanh gia truyền. Các thợ đàn tài ba nhất trong giai đoạn này có thể được tìm thấy qua dòng chảy nhân duyên thấy rõ liên tiếp trong suốt hai trăm năm.

Ba đại gia tộc

Người đặt nền móng cho triều đại [làm vĩ cầm] của gia tộc Amati, ông Andrea Amati, được công nhận là người đã làm

ra cây vĩ cầm hiện đại đầu tiên vào thế kỷ 16. Những đóng góp của ông bao gồm việc chuẩn hóa vĩ cầm với bốn dây, khắc thêm các lỗ thoát âm chữ f để tăng độ rung động (vibration) và cải thiện âm thanh, đồng thời thêm cuộn xoắn dây (scroll) trên đỉnh đàn để trang trí. Sau khi ông qua đời, các con trai của ông đã kế nghiệp cha.

Ông Nicolò Amati (1596–1684) đã cải tiến thiết kế ban đầu của ông nội bằng cách kéo dài và mở rộng cây vĩ cầm một chút theo cách mà ngày nay được gọi là "Grand Pattern" (kiểu dáng lớn hơn). Quan trọng hơn, ông đã phổ biến thiết kế Amati này bằng cách đào tạo cả một thế hệ thợ đàn làm đàn Cremona trong xưởng của mình. Những học trò ưu tú nhất của thợ đàn Nicolò còn vượt qua danh tiếng của thầy, họ thành lập các xưởng gia đình Guarneri và Stradivari.

Ông Antonio Stradivari, hay còn được biết đến nhiều hơn với cái tên Latin hóa, Stradivarius, là thợ đàn làm đàn nổi tiếng nhất mọi thời đại. Hầu như ai cũng từng nghe nói đến cây vĩ cầm "Strad". Trong suốt cuộc đời gắn một thế kỷ (1644–1737), ông đã làm ra hơn 1,100 nhạc cụ. Phần lớn chúng là vĩ cầm, nhưng cũng có cả đàn cello, vĩ cầm trầm, hạc cầm, và guitar. Khoảng một nửa trong số đó vẫn tồn tại cho đến ngày nay. Những cây vĩ cầm đầu tiên này có bàn phím ngắn hơn, ngựa đàn thấp hơn, và cần đàn có góc nghiêng gắn với thân đàn hơn. Nhạc cụ của Stradivari nổi tiếng với âm sắc phong phú, âm áp. Hàng ngàn người thợ làm đàn sau thời Stradivari đã nỗ lực sao chép các nhạc cụ của ông. Họ đạt được những mức độ thành công khác nhau, nhưng chưa ai có thể tái tạo được âm thanh độc đáo của chúng.

Thợ làm đàn Giuseppe Guarneri, được biết đến với cái tên "del Gesù" (thước vẽ Chúa Jesus) nhờ các ký hiệu đặc biệt trên nhãn của các nhạc cụ của ông, cũng có tiếng tăm ngang ngửa với thợ đàn Stradivari. Ông nội của ông, Andrea Guarneri, cũng từng học việc với thợ đàn Nicolò Amati. Sự nghiệp làm đàn của ông Del Gesù kéo dài chưa đầy 20 năm, và chỉ có khoảng 200 cây vĩ cầm của ông còn tồn tại. Mặc dù sự nghiệp ngắn ngủi, nhưng các nhạc cụ của ông được coi là tốt như các nhạc cụ của Stradivari. Một số nghệ sĩ bậc thầy thậm chí còn ưu thích âm thanh của cây đàn del Gesù hơn vì nó có âm sắc mạnh mẽ hơn, táo bạo hơn.

Khép lại một thời kỳ vàng son

Năm 1737, thợ đàn Stradivari qua đời, tiếp đó là thợ đàn del Gesù vào năm 1744. Trong vòng vài thập niên sau khi họ ra đi, chiến tranh và những khó khăn kinh tế đã khép lại thời kỳ vàng son của nghệ làm vĩ cầm tại Cremona. Người Ý bắt đầu nhập cảng những cây vĩ cầm rẻ hơn từ Đức để đáp ứng thị hiếu âm nhạc của họ. Cái tên Stradivari và del Gesù chìm vào quên lãng cho đến thế kỷ 19, người ta mới bắt đầu tìm kiếm lại các nhạc cụ của họ. Tuy nhiên, đến lúc này, rất nhiều cây đàn đã biến mất.

Trung Quốc hiện là quốc gia sản xuất vĩ cầm lớn nhất thế giới. Ba



▲ Một bức tranh lãng mạn về thợ đàn Antonio Stradivari đang kiểm tra một nhạc cụ.

mười phần trăm nguồn cung cấp toàn cầu đến từ một thành phố duy nhất, Hoàng Kiều – nơi được mệnh danh là "Cremona của phương Đông". Mặc dù nơi đây xuất cảng gần một triệu cây vĩ cầm mỗi năm, nhưng hầu hết là những nhạc cụ giá rẻ, được sản xuất hàng loạt trên dây chuyền lắp ráp bởi những công nhân có tay nghề thấp.

Nghề làm vĩ cầm tại thành phố Cremona đã hồi sinh trong những năm gần đây. Tuy nhiên, thành phố này chỉ có thể sản xuất vài ngàn cây đàn mỗi năm, vì một người thợ bậc thầy phải cần tới 250 tiếng cho mỗi cây vĩ cầm. Mặc dù các sản phẩm làm ra vẫn có tay nghề tinh xảo, nhưng những bí mật nghệ nghiệp của các gia tộc Amati, Guarneri, và Stradivari đã thất lạc theo thời gian và sẽ không bao giờ được khôi phục hoàn toàn.

Điều gì tạo nên nét độc đáo của những cây vĩ cầm Strad?

Các chuyên gia luôn cố gắng giải thích chính xác tại sao những những cây vĩ cầm Stradivari lại vượt trội hơn tất cả những cây vĩ cầm khác. Một giả thuyết phổ biến từng cho rằng thợ đàn Stradivarius đã sử dụng một loại sơn bóng "kỳ diệu" – không chỉ bảo vệ vĩ cầm khỏi bụi bẩn và độ ẩm, mà còn

mang đến âm sắc đặc trưng cho nhạc cụ này. Một giả thuyết gần đây hơn, được công bố vào năm 2003, lại cho rằng những cây gỗ làm đàn mà thợ đàn Stradivarius dùng có kiểu vân gỗ hẹp đặc trưng của "Thời kỳ băng hà nhỏ" khi chúng sinh trưởng. Chính loại gỗ thứ hợp này tạo nên âm sắc vượt trội của cây đàn Strad.

Nhiều giả thuyết trong số này quá mơ hồ để chứng minh, hoặc đã bị bác bỏ hoàn toàn. Ngày nay, chúng ta biết rằng lớp sơn bóng mà người thợ Stradivarius sử dụng giống với loại mà các thợ nội thất thời đó sử dụng. Do đó, chúng ta sẽ không bao giờ biết liệu những cây gỗ sinh trưởng trong Thời kỳ băng hà nhỏ có tạo ra chất gỗ có âm thanh vượt trội so với gỗ ngày nay hay không.

Gần đây, các nhà khoa học đã tìm thấy những bằng chứng vững chắc hơn để đưa ra lời giải thích thuyết phục hơn. Một bài báo năm 2021 đăng trên tạp san hóa học của Đức, Angewandte Chemie, phát hiện ra rằng thợ đàn Stradavari và del Gesù đã xử lý gỗ vân sam dùng làm bảng cộng hưởng cho các cây vĩ cầm bằng một hỗn hợp hóa chất đặc biệt. Hỗn hợp khoáng chất này – bao gồm borax, muối, phen và vôi sống – giúp bảo vệ gỗ khỏi mối

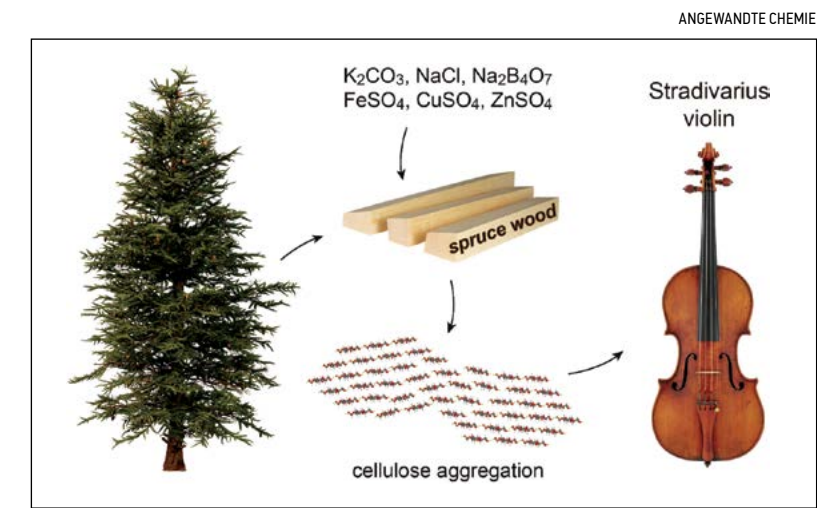
mọt và có thể cải thiện độ vang âm của các nhạc cụ. Ngay cả những biến đổi nhỏ nhất về độ dày của gỗ cũng có thể làm thay đổi âm thanh của nó, và bảng cộng hưởng của các cây vĩ cầm tại Cremona đều rất mỏng và nhẹ so với các loại vĩ cầm hiện đại. Việc xử lý gỗ bằng hóa chất giúp giải thích tại sao chúng có thể chịu được lực căng của dây mà không bị nứt sau nhiều thế kỷ. Điều này cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của các nhà bảo chế được liệu địa phương – những người đã cung cấp khoáng chất cho thợ làm đàn, hé lộ một khía cạnh ẩn giấu của nghệ làm vĩ cầm tại thành phố này.

Giống như tờ nhãn ghi giá, các lý do khoa học cuối cùng cũng không mấy quan trọng. Cảm xúc mãnh liệt được gọi lên trong trái tim thính giả khi lắng nghe âm thanh của đàn Amati, Stradivari, hoặc Guarneri vang lên trong khán phòng hòa nhạc không đến từ những giải thích về chất liệu làm đàn. Mặc dù sự phổ biến của đàn guitar điện đã khiến nhiều người không còn cảm nhận được sự tinh tế của vĩ cầm, nhưng những bí ẩn và điều kỳ diệu của những cây vĩ cầm đến từ Cremona vẫn không gì sánh được.

Lê Đào biên dịch

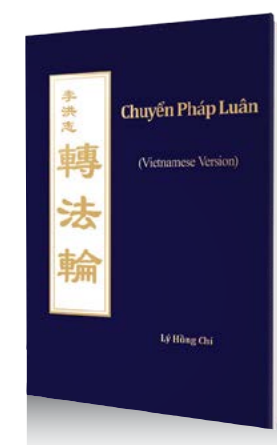


▲ Xưởng làm việc của Hildegard Dodel, một người thợ đàn ở thành phố Cremona, Ý.



▲ Quy trình làm đàn Stradivarius đang được khoa học hệ mã. Các nhà khoa học phân tích các hóa chất được sử dụng để xử lý gỗ vân sam dùng làm nhạc cụ.

Cuốn sách làm thay đổi cuộc đời



Cuốn "Chuyển Pháp Luân" giải thích chi tiết các nguyên lý uyên thâm về Chân, Thiện, và Nhân. Cuốn sách tập trung vào một thuật ngữ bị lãng quên từ lâu được gọi là "tu luyện" và tầm quan trọng của phẩm hạnh đạo đức trên hành trình hoàn thiện tinh thần của con người.

Chuyển Pháp Luân là cuốn sách chính của môn tu luyện tinh thần Pháp Luân Đại Pháp. Đây là cuốn sách bán chạy nhất trên toàn Trung Quốc vào những năm 1990, và kể từ đó đã được dịch sang hơn 40 ngôn ngữ khác nhau. Hãy tìm hiểu lý do vì sao cuốn sách này lại chiếm được trái tim và tâm trí của hàng chục triệu người ở hơn 100 quốc gia trên toàn thế giới.

Điều khiến Pháp Luân Công nổi bật so với các bài tập khí công và môn thiền định khác chính là hệ thống đạo đức – tử bi, trung thực, và dung nhân, có nguồn gốc từ Phật giáo không thể nào nhầm lẫn.

Arthur Waldron
GIÁO SƯ TẠI VIỆN LAUDER, ĐẠI HỌC PENNSYLVANIA

Đặt mua sách tại: **FaYuanBooks.com** hoặc gọi **845-538-4490**



Hoa Kỳ đã kết thúc thời kỳ bế quan tỏa cảng xứ Phù Tang như thế nào?

Tiếp theo từ trang 5

Vào năm 1587, Hideyoshi ban hành sắc lệnh chống Cơ Đốc Giáo đầu tiên, trục xuất những nhà truyền giáo và hạn chế các hoạt động của nhà thờ. Một thập niên sau, Hideyoshi đã ra lệnh xử tử sáu nhà truyền giáo và 20 tín đồ Cơ Đốc Giáo người Nhật. Đến năm 1612, dưới thời được biết đến là Mạc phủ Edo, một sắc lệnh mới được ban hành, kêu gọi phá hủy tất cả các nhà thờ và chấm dứt việc truyền bá Cơ Đốc Giáo.

Mạc phủ Tokugawa ban hành Sắc lệnh năm 1635, chính thức đóng cửa nước Nhật. Sắc lệnh này được gửi đến các quan chức ở Nagasaki – nơi tập trung hầu hết các hoạt động giao thiệp của người Âu Châu với Nhật Bản. Một số nội dung của sắc lệnh nêu rõ: “Tàu Nhật Bản bị nghiêm cấm đi sang ngoại quốc. ... Không người Nhật nào được phép xuất ngoại. Nếu bất kỳ ai lén lút làm điều đó, người đó phải bị xử tử. Con tàu liên quan phải bị tịch thu, chủ sở hữu bị bắt giữ, và sự việc đó phải được báo cáo lên cấp trên. ... Nếu bất kỳ người Nhật nào trở về từ hải ngoại sau khi cư trú ở đó, người đó phải bị xử tử. ... Nếu bất kỳ nơi nào thực hiện theo lời giảng của những linh mục [Công Giáo], hai người các người phải ra lệnh điều tra nghiêm ngặt. ... Nếu có bất kỳ người Man Di Phương Nam nào [người Tây phương] truyền bá giáo lý của các linh mục, hoặc phạm tội khác, họ có thể sẽ bị tống giam. ... Tất cả tàu thuyền nhập cảng phải được kiểm tra kỹ lưỡng để tìm kiếm những người theo đạo của các linh mục.”

Đến năm 1639, Hà Lan là cường quốc Tây phương duy nhất được phép giao thương với Nhật Bản. Chính sách cô lập là tiêu biểu cho giai đoạn lịch sử này – còn được biết đến là thời Edo (Tokyo hiện đại), được gọi là chính sách sakoku (chính sách đất nước bế quan tỏa cảng).

Người thích hợp nhất

Ông Matthew Calbraith Perry xuất thân từ một trong những gia đình hải quân lừng lẫy nhất Mỹ quốc. Cha ông, Thuyền trưởng Christopher R. Perry, là một anh hùng hải quân thời Chiến tranh Cách mạng. Ông Perry cùng bốn anh em trai đều là sĩ quan hải quân. Hai trong ba chị em gái của ông cũng kết hôn với các sĩ quan hải quân.

Năm 1809, khi mới 14 tuổi, ông được bổ nhiệm làm chuẩn úy trên thuyền buồm Revenge, dưới quyền chỉ huy của anh trai Oliver Hazard Perry. Ông tham gia chiến đấu trong cuộc Chiến tranh 1812 và được thăng hàm Trung úy hải quân vào năm 1813. Từ tháng 05/1821 đến tháng 09/1823, Perry chỉ huy con tàu đầu tiên của mình, con thuyền buồm Shark. Vào tháng 03/1826, ông Perry được thăng làm Chỉ huy trưởng, và 11 năm sau đó trở thành Thuyền trưởng. Ông là người ủng hộ mạnh mẽ việc sử dụng năng lượng hơi nước và được giao quyền chỉ huy tàu Fulton – chiến hạm chạy bằng hơi nước đầu tiên của Hải quân Mỹ.

Trong giai đoạn đầu làm Thuyền trưởng, ông Perry đã thành lập Quân đoàn Kỹ sư Hải quân (Naval Engineer Corps). Đến năm 1841, ông được bổ nhiệm làm Chỉ huy của căn cứ Navy Yard tại New York – nơi ông đã vận dụng chuyên môn tàu hơi nước của mình để phục vụ cho các phát minh hải quân. Ông Perry thường được mệnh danh là “Cha đẻ của Hải quân Hơi nước”.

Ông Perry là một người chỉ huy quan tâm sâu sắc đến binh sĩ của mình, nhưng điều này không đi ngược với tinh thần kỷ luật của ông. Nói cách khác, ông Perry điều hành quân đội bằng kỷ luật nghiêm ngặt.

Ông Perry đã từng tham chiến với vai trò chuẩn úy và trung úy hải quân. Khi Chiến tranh Mexico-Mỹ nổ ra, Perry được kêu gọi chiến đấu. Ông phục vụ dưới trướng của Phó đề đốc David Conner, chỉ huy Hải đoàn Chủ lực (Home Squadron). Ngay sau khi Conner giám sát thành công các cuộc xâm lược đổ bộ lên Mexico và cuộc



▲ Chân dung Phó đề đốc Matthew Calbraith Perry của nhiếp ảnh gia Matthew Benjamin Brady. Viện Bảo tàng Nghệ thuật Metropolitan.

đổ bộ của Quân đội tại Vera Cruz vào tháng 03/1847, ông được triệu hồi. Lúc này, quyền chỉ huy lực lượng được giao cho ông Perry.

Trước đó, ông Perry đã đạt được nhiều chiến công: chiếm được Frontera, Tabasco, và Laguna vào năm 1846. Đến cuối tháng 03/1847, ông và Tướng Winfield Scott cùng được ghi nhận chiến công khi Vera Cruz đầu hàng.

Cơ hội thám hiểm

Vào tháng 11/1848, Thuyền trưởng Perry vận dụng chuyên môn về tàu hơi nước để giám sát một dự án mới, kết hợp nỗ lực của cả người dân và Hải quân Hoa Kỳ: Tàu Hơi Nước Đưa Thư trên Đại Dương (Ocean Mail Steamers). Dự án này, như cơ Tổng thống James K. Polk tuyên bố, “hứa hẹn sẽ mang lại tất cả những lợi ích cho thương mại và Hải quân của chúng ta như đã được dự đoán,” đồng thời sẽ gia tăng và thúc đẩy “giao thiệp xã hội và thương mại của chúng ta” với “nước Đức, Anh quốc, và các nước khác ở Châu Âu; [cũng như] các quốc gia trên Thái Bình Dương.”

Tuy nhiên, có một quốc gia tỏ ra không mấy hứng thú với hoạt động giao thiệp xã hội và thương mại như vậy. Trong những năm 1830, Hải đoàn Đông Ấn (hoặc Viễn Đông) của Hoa Kỳ, đóng quân tại Quảng Châu đã cố gắng gửi một số phái bộ đến Nhật Bản, nhưng họ không bao giờ được phép vào đất liền. Vì không có sự cho phép từ chính phủ, nên hải đoàn không bao giờ kiên quyết theo đuổi vấn đề này.

Đến năm 1851, khi ông Millard

Fillmore đang là tổng thống Hoa Kỳ, ông nhìn thấy cơ hội để thực hiện một chuyến đi thiện chí, hợp pháp tới Nhật Bản. Một lý do cho chuyến đi này là để gửi trả các thủy thủ Nhật Bản bị đắm tàu và đón các thủy thủ người Mỹ (người săn cá voi) có hoàn cảnh tương tự về. Nhiệm vụ này ban đầu được giao cho Phó đề đốc John Aulick, chỉ huy của Hải đoàn Đông Ấn. Tuy nhiên, những tranh chấp nội bộ đã khiến ông Aulick bị cách chức. Vào tháng 03/1852, ông Perry được trao quyền chỉ huy và được ủy quyền thực hiện nhiệm vụ này.

Ngoại trưởng Daniel Webster đã đưa cho ông Perry thêm những yêu cầu liên quan đến chuyến đi này. Ông yêu cầu hải đoàn “khám phá bờ biển Nhật Bản và lục địa cùng các đảo lân cận, vì việc khám phá như vậy sẽ không chỉ bổ sung vào kho tri thức địa lý của chúng ta, mà còn có thể là phương tiện mở rộng quan hệ thương mại, và bảo đảm các cảng trú ẩn cũng như tiếp tế cho các tàu đánh bắt cá voi của chúng ta ở những vùng biển xa xôi đó.”

Phó đề đốc Perry đồng ý và đề nghị rằng “nếu chính phủ Nhật Bản phản đối việc nhượng cho chúng ta các hải cảng như vậy trên đất liền” thì họ sẽ “thiết lập địa điểm hội họp tại một hoặc hai hòn đảo ở phía nam Nhật Bản.”

Đặt chân đến Nhật Bản

Sau khi khởi hành từ Trung Quốc vào tháng 05/1853, ông Perry và hải đoàn của mình tìm đường đến những hòn đảo phía Nam trước tiên, đổ bộ lên

quần đảo Ryukyu và Bonin. Tại đây, ông Perry đã mua lãnh thổ cho Hoa Kỳ. Sau đó, ông gióng buồm tiến thẳng đến Vịnh Edo (Tokyo), mang theo một lá thư chính thức từ Tổng thống Millard Fillmore, nhưng quan trọng hơn, là với hai khinh hạm (tàu frigate) và hai tàu chiến hạng nhẹ. Lá thư của tổng thống được gửi tới Thiên Hoàng Nhật Bản. Nhưng Tổng thống Fillmore không cách nào biết rằng Thiên Hoàng chỉ đóng vai trò tượng trưng trong chính phủ Nhật.

Khi hải đoàn đến vịnh Edo vào ngày 08/07/1853, Phó đề đốc Perry đã phớt lờ mệnh lệnh của Nhật Bản yêu cầu ông đi thuyền đến Nagasaki. Các tàu tuần tra Nhật Bản tiến về phía hải đoàn Mỹ, nhưng nhanh chóng rút lui trước đe dọa vũ lực (có thể không chỉ là đe dọa bằng lời nói). Ông Perry còn ra lệnh cho các thủy thủ của mình tiến hành đo độ sâu trong bến cảng, một hành động bị Nhật Bản nghiêm cấm. Từ chối thương thảo với các quan chức cấp thấp, ông Perry yêu cầu một cuộc gặp gỡ trên bờ với Thiên Hoàng.

Ông đã thực hiện được cuộc gặp gỡ này khi 400 thủy thủ và thủy quân lục chiến đi bộ từ hai khinh hạm vào ngày 14/07. Ông dâng lên Thiên Hoàng lá thư [của Tổng thống Fillmore] cùng những món quà khác: một chiếc kính viễn vọng, một máy điện báo, rượu vang, và rượu mạnh, và một mô hình hoạt động của đầu máy hơi nước. Sau ba ngày trên đất liền, ông Perry và hải đoàn quay trở lại Trung Quốc, nhưng trước đó, ông không quên hứa sẽ quay lại Nhật Bản để nhận câu trả lời cho những đề nghị của Tổng thống Fillmore.

Chuyến trở về lịch sử

Vào tháng 02/1854, ông Perry quay trở lại Vịnh Tokyo với một hạm đội thậm chí còn lớn hơn nữa. Lần đón tiếp này thân mật hơn nhiều và hai bên đã trao quà cho nhau. Họ gặp nhau để thảo luận các chi tiết về yêu cầu của Tổng thống Fillmore. Phải mất hơn một tháng để hai bên đi đến thỏa thuận. Chính vào ngày 31/03/1854, Hiệp ước Kanagawa được ký kết. Hiệp ước đồng thuận bảo vệ quyền lợi của các thủy thủ và thợ săn cá voi bị mắc kẹt, đồng thời mở cửa hai bến cảng cung cấp than là Hakodate và Shimoda cho các tàu hơi nước của Hải quân Hoa Kỳ.

Đây là hiệp ước đầu tiên với người phương Tây trong hơn 200 năm qua, chính thức đưa Nhật Bản ra khỏi chính sách Tỏa quốc (Sakoku). Vào năm 1858, Hiệp ước Hữu nghị và Thương mại (còn gọi là Hiệp ước Harris) được ký kết. Cùng với các quyền giao thương, hiệp ước này cho phép các nhà truyền giáo Tin Lành người Mỹ đến Nhật Bản. Điều thú vị là vào năm 1865, “các tín đồ Cơ Đốc Giáo ẩn danh” ở Nagasaki đã tuyên bố rằng họ chưa bao giờ từ bỏ đức tin của mình. Những địa điểm Cơ Đốc Giáo Giấu Mật ở Nagasaki và Kumamoto này đã được đưa vào danh sách Di sản Thế giới của UNESCO.

(* privateer: Tàu tư nhân được chính phủ ủy nhiệm trong thời chiến, có trang bị vũ khí, sẵn lòng hải tặc và chia chác lợi nhuận theo tỷ lệ.

Hữu Minh biên dịch



▲ (Trái) Hiệp ước Kanagawa là một sự kiện mang tính bước ngoặt trong lịch sử Nhật Bản đến mức người ta xây dựng một tượng đài để đánh dấu địa điểm này; (Phải) Một phần bản tiếng Anh viết tay của Hiệp ước Kanagawa được bảo tồn cho đến ngày nay tại Cục lưu trữ Quốc gia của Hoa Kỳ.

FUMIHIRO KATOCC BY-SA 4.0

PUBLIC DOMAIN

